

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 94/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 15 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương
đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;*

*Căn cứ Nghị quyết 517//NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 Ủy ban
thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
và năm 2022 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương
trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng
01 năm 2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân
sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương
trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28 tháng
5 năm 2022 về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương
giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện
03 chương trình Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Xét Tờ trình số 145/TTr-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện Chương trình*

mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-BKTNS ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 là 21.971 triệu đồng. Trong đó, vốn ngân sách Trung ương 19.106 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương 2.865 triệu đồng; thực hiện trên địa bàn 02 huyện (các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển). (Kèm theo phụ lục)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 15 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ký. *Kiến*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Trang hồ sơ công việc;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh



Phụ lục
KẾ HOẠCH PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG
(Kèm theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 15/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Quy mô (Dài x rộng)	Địa điểm thực hiện	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Dự kiến vốn bố trí trong kỳ kế hoạch 2022			Đơn vị quản lý vốn
					Vốn NSNN (TW, TỈNH)	Tổng vốn dự kiến	Vốn TW	Vốn tính đối ứng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	TỔNG CỘNG:			21,971	21,971	21,971	19,106	2,865	
A	Huyện Hòn Đất			7,323	7,323	7,323	6,368	955	
I	Xã Thổ Sơn			7,323	7,323	7,323	6,368	955	
1	Mở rộng đường bê tông từ quán Quê Hương đi giáp cầu, nhà ông Danh Thượng (mở rộng 1m)	1500m x 1m	Ấp Hòn Quéo	750	750	750	750		UBND huyện Hòn Đất
2	Làm đường vào Trường THCS Thổ Sơn kết nối Mầu Giáo (điểm lè Bến Đá)	200m x 3m	Ấp Bến Đá	258	258	258	258		
3	San lấp và tráng sân nhà văn hoá ấp Vạn Thanh	30m x 35m	Ấp Vạn Thanh	700	700	700	700		
4	Làm mới đường ống dẫn nước sạch từ nhà ông Tư Nghệ đến nhà ông Lê Mỹ Đơ	1200m	Ấp Hòn Đất	800	800	800	800		
5	Làm đường Bờ Bắc kênh Thủy Lợi (điểm đầu kênh 9, điểm cuối kênh 500)	500m x 3m	Ấp Vạn Thanh	600	600	600	600		
6	Làm đường tổ 10 ấp Hòn Sóc (điểm đầu đường quanh núi Hòn Sóc, điểm cuối nhà bà Quanh)	250m x 3m	Ấp Hòn Sóc	300	300	300	300		
7	Làm đường xuống cầu kênh Bến Đất đoạn từ tỉnh lộ 996B đến kênh Bến Đất	480m x 2m	Ấp Hòn Đất	560	560	560	560		
8	Làm mới tuyến đường nước sạch (phía trên núi) từ đình Nguyễn Trung Trục đến xóm mũi bãi tre)	1500m	Ấp Hòn Đất	1,000	1,000	1,000	1,000		
9	Làm đường nước sạch từ mộ chị Sứ đến nhà ông Nghệ (phía trên núi)	1200m	Ấp Hòn Đất	950	950	950	950		
10	Mở rộng (1m) đường bờ đông kênh Hòn Me (điểm đầu; cầu Hòn Me; điểm cuối cống kênh cây Me)	400m x 1m	Ấp Hòn Me	200	200	200	200		
11	Làm mới sân nhà văn hóa ấp Bến Đá	50m x 20m	Ấp Bến Đá	250	250	250	250		
12	Cầu kênh xóm Chùm Pa Lừa	15m x 3m	Ấp Vạn Thanh	955	955	955		955	

STT	Tên dự án	Quy mô (Dài x rộng)	Địa điểm thực hiện	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Dự kiến vốn bố trí trong kỳ kế hoạch 2022			Đơn vị quản lý vốn
					Vốn NSNN (TW, TỈNH)	Tổng vốn dự kiến	Vốn TW	Vốn tính đối ứng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
B	Huyện U Minh Thượng			14,648	14,648	14,648	12,738	1,910	
I	Xã An Minh Bắc (Dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch xây dựng)			7,324	7,324	7,324	6,369	955	UBND huyện U Minh Thượng
1	Đường kênh 2 (bờ Nam)	3300 x 3,5	ấp Trung Đoàn	3,662	3,662	3,662	3,185	477	
2	Đường kênh 16 (bờ Bắc)	3500 x 3,5	ấp Minh Hưng	3,662	3,662	3,662	3,184	478	
II	Xã Minh Thuận			7,324	7,324	7,324	6,369	955	
	Cầu + Đường Kênh 12 (05 Cây cầu)	3.800 x 3,0	ấp Minh Thành A	7,324	7,324	7,324	6,369	955	